

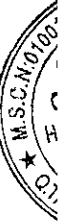
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bibica được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 1999, đăng ký lại lần thứ 2 ngày 05/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/05/2009.

Trụ sở chính của Công ty: 443 Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Jung Woo, Lee	Chủ tịch
Ông Trương Phú Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Võ Ngọc Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Ủy viên
Ông Jeong Hoon Cho	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Phú Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Võ An	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Cường	Thành viên	(Bầu ngày 28/10/2013)
Ông Hur Jin Kook	Thành viên	(Bầu ngày 28/10/2013)
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên	(Bầu ngày 28/10/2013)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

111
CHI
ÔNG
ANG
TÂN BÌNH

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


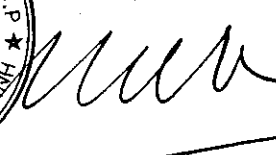
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Trương Phú Chiến

Số: 36 /2014/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bibica**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bibica được lập ngày 25 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bibica tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 34 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả về dây chuyền bánh Lotte Pie thuộc Công ty con - Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông đã bị hòa hoãn ngày 15/05/2011, tài sản hòa hoãn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí TP. Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản với giá trị tài sản được bảo hiểm 220 tỷ đồng. Công ty đã tiến hành các thủ tục đàm phán với PVI để xác định giá trị tổn thất và giá trị được bồi thường theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm tuy nhiên vẫn chưa đi đến sự thống nhất, Công ty đã nộp đơn khởi kiện PVI lên Tòa kinh tế Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh để giải quyết. Công ty đang chờ bản án từ Tòa án làm cơ sở ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh có liên quan, khoản chênh lệch giữa giá trị tổn thất và giá trị đền bù sẽ được Công ty ghi nhận như một khoản thu nhập hoặc chi phí vào kết quả kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Cũng liên quan đến vụ hòa hoãn này, khoản thuế GTGT không được khấu trừ và giá trị hàng tồn kho bị tổn thất với tổng giá trị 4,39 tỷ đang được Công ty phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 36 tháng kể từ tháng 09 năm 2012.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0522-13-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1623-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		450.597.209.193	376.745.058.329
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	151.707.165.726	49.471.255.612
111	1. Tiền		36.637.251.236	27.471.255.612
112	2. Các khoản tương đương tiền		115.069.914.490	22.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.814.849.332	2.851.249.601
121	1. Đầu tư ngắn hạn		19.897.513.746	8.957.906.315
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.082.664.414)	(6.106.656.714)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		191.465.624.100	197.275.253.686
131	1. Phải thu của khách hàng		45.620.756.135	47.682.655.439
132	2. Trả trước cho người bán		398.060.568	3.846.164.790
135	5. Các khoản phải thu khác	5	151.487.375.699	151.702.925.981
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.040.568.302)	(5.956.492.524)
140	IV. Hàng tồn kho	6	87.595.585.182	120.092.660.181
141	1. Hàng tồn kho		90.251.456.778	122.346.015.582
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.655.871.596)	(2.253.355.401)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.013.984.853	7.054.639.249
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.554.734.730	1.695.278.424
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3.990.300.525
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	24.732.746	707.894.068
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	434.517.377	661.166.232
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		357.696.823.870	391.632.921.033
220	II. Tài sản cố định		339.988.129.671	373.552.907.110
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	304.232.125.541	325.847.392.497
222	- Nguyên giá		577.464.478.101	565.065.524.339
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(273.232.352.560)	(239.218.131.842)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.425.368.987	1.828.495.221
228	- Nguyên giá		4.065.288.785	4.176.795.852
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.639.919.798)	(2.348.300.631)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	34.330.635.143	45.877.019.392
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.708.694.199	18.080.013.923
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	16.911.976.305	18.080.013.923
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	796.717.894	-
269	VI. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		808.294.033.063	768.377.979.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		213.413.001.860	189.325.436.737
310	I. Nợ ngắn hạn		211.942.385.860	187.574.820.737
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	474.263.076	1.201.997.681
312	2. Phải trả người bán		68.005.785.459	81.797.110.420
313	3. Người mua trả tiền trước		3.987.574.542	6.051.848.179
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	15.140.423.415	11.691.953.680
315	5. Phải trả người lao động		6.929.373.518	5.641.268.612
316	6. Chi phí phải trả	15	75.452.891.862	39.906.938.005
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	40.657.794.748	40.630.572.283
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.294.279.240	653.131.877
330	II. Nợ dài hạn		1.470.616.000	1.750.616.000
333	3. Phải trả dài hạn khác	17	1.470.616.000	1.750.616.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		594.881.031.203	579.052.542.625
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	594.881.031.203	579.052.542.625
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		154.207.820.000	154.207.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302.726.583.351	302.726.583.351
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		90.122.557.514	85.330.469.603
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		12.856.710.622	11.562.431.382
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.967.359.716	25.225.238.289
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		808.294.033.063	768.377.979.362

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		189.621,88	383.254,02
- EUR		787,50	14.640,07

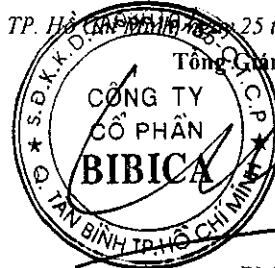
Người lập biểu

Nguyễn Minh Quý

Kế toán trưởng

Ngô Thị Kim Phụng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Tổng Giám đốc

Trương Phú Chiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.059.258.875.844	938.970.158.431
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	6.296.256.821	9.316.962.686
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.052.962.619.023	929.653.195.745
11	4. Giá vốn hàng bán	22	721.264.092.735	664.229.356.533
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		331.698.526.288	265.423.839.212
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.235.685.123	1.697.142.838
22	7. Chi phí tài chính	24	(166.055.238)	(439.767.877)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		167.228.979	388.205.421
24	8. Chi phí bán hàng	25	233.713.956.801	191.289.446.460
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	42.881.468.314	47.319.091.617
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		58.504.841.534	28.952.211.850
31	11. Thu nhập khác	27	4.364.924.649	7.668.865.489
32	12. Chi phí khác	28	5.565.208.433	4.157.077.199
40	13. Lợi nhuận khác		(1.200.283.784)	3.511.788.290
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		-	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.304.557.750	32.464.000.140
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29,1	13.221.100.226	6.578.415.349
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29,2	(796.717.894)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		44.880.175.418	25.885.584.791
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	*	-	-
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		44.880.175.418	25.885.584.791
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.910	3.303

Người lập biểu



Nguyễn Minh Quý

Kế toán trưởng



Ngô Thị Kim Phụng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2014



Trương Phú Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		57.304.557.750	32.464.000.140
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		40.775.275.493	41.428.502.233
03	Các khoản dự phòng		(2.537.400.327)	(1.735.271.390)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		7.908.429	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.108.508.959)	(2.637.545.516)
06	Chi phí lãi vay		167.228.979	388.205.421
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		93.609.061.365	69.907.890.888
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		10.924.940.515	35.756.084.624
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		32.094.558.804	142.380.024
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		21.776.721.432	(21.836.426.760)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		400.398.432	(4.042.499.615)
13	Tiền lãi vay đã trả		(167.228.979)	(388.205.421)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.122.886.932)	(5.690.956.328)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.275.788.786	3.014.616.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(939.331.877)	(7.618.800.404)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		151.852.021.546	69.244.083.008
	II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.911.179.880)	(71.463.015.927)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		163.627.274	1.817.727.276
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(15.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.440.590.834
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.571.559.441	1.397.056.735
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(21.175.993.165)	(61.807.641.082)

008-C
ANH
TNHH
M TOA
SC
PHỔ CỐ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		770.330.010	11.749.504.194
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.498.064.615)	(11.423.642.259)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.728.443.620)	(18.602.623.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(28.456.178.225)	(18.276.761.065)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		102.219.850.156	(10.840.319.139)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		49.471.255.612	60.321.483.966
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		16.059.958	(9.909.215)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>151.707.165.726</u>	<u>49.471.255.612</u>

Người lập



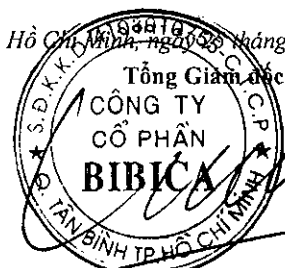
Nguyễn Minh Quý

Kế toán trưởng



Ngô Thị Kim Phụng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2014



Trương Phú Chiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bibica được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 1999, đăng ký lại lần thứ 2 ngày 05/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/05/2009.

Trụ sở chính của Công ty: 443 Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 154.207.820.000 đồng, tương đương 15.420.782 CP, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Văn phòng Công ty	443 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, TP. HCM	Kinh doanh bánh kẹo
- Chi nhánh Bibica Hà Nội	B18, Đường công nghiệp 6, khu CN Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp Hà Nội	Sản xuất sản phẩm bánh, kẹo
- Chi nhánh Bibica Biên Hòa	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất sản phẩm bánh, kẹo

Thông tin về các Công ty con

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Quyền kiểm soát	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh bánh kẹo

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất, mua bán các sản phẩm: đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh bất động sản.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

1102
11 NH
18 T
G KÍ
AA
NH-T

10
3
1
12/1

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 05 năm
- Thiết bị văn phòng	06 - 12 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Trong năm Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, qua đó nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 2 năm.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

01
IÁN
Y TI
EM
SC
PH

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Khoản chi phí tồn thất do vụ hỏa hoạn trong năm 2011 đang được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3. G
H
HH
TOÁN
CHÍNH

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

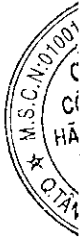
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



101
G
3
1
11

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	173.178.703	465.631.075
Tiền gửi ngân hàng	36.464.072.533	27.005.624.537
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	115.069.914.490	22.000.000.000
	151.707.165.726	49.471.255.612

⁽¹⁾ Thông tin bổ sung về các khoản tương đương tiền

	Lãi suất	31/12/2013	01/01/2013
	%	VND	VND
Ngân hàng Vietcombank CN Vĩnh Lộc	6,4%- 6,8%/năm	25.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng BIDV Chi nhánh Gia Định	6%- 7%/năm	81.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng Techcombank CN Đông SG	6,8%/năm	9.069.914.490	-
		115.069.914.490	22.000.000.000

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾	4.897.513.746	8.957.906.315
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	15.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ⁽³⁾	(3.082.664.414)	(6.106.656.714)
	16.814.849.332	2.851.249.601

⁽¹⁾ Chi tiết Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:

Mã chứng khoán	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
DHA	15.750	684.881.000	15.750	684.881.000
DTT	90.771	2.305.557.333	90.771	2.305.557.334
GIL	2	71.672	2	71.672
GMD (ii)	-	-	3.330	273.092.000
HAP	30.289	766.727.922	30.289	766.727.922
MCP	41.134	975.259.756	41.134	975.259.756
PPC (ii)	-	-	8.400	645.430.500
REE	8	467.557	24.998	1.460.995.826
TCM (i)	9.726	164.448.732	8.842	164.448.732
STB (ii)	-	-	41.930	1.681.341.799
ACB	2	99.774	2	99.774
	187.682	4.897.513.746	265.448	8.957.906.315

⁽ⁱ⁾ Số lượng cổ phiếu tăng trong năm là do TCM phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:10 (100 cổ phiếu sẽ được 10 cổ phiếu).

⁽ⁱⁱ⁾ Số lượng cổ phiếu đã được bán trong năm

⁽²⁾ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng VCB chi nhánh Vĩnh Lộc thời hạn 95 ngày, lãi suất 7%/năm

⁽³⁾ Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2013

Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
	Cổ phiếu (2)	VND (3)	VND (4)	VND (5)=(4)-(3)
(1)				
DHA	15.750	684.881.000	140.175.000	(544.706.000)
DTT	90.771	2.305.557.333	635.397.000	(1.670.160.333)
GIL	2	71.672	55.600	(16.072)
HAP	30.289	766.727.922	199.907.400	(566.820.522)
MCP	41.134	975.259.756	674.597.600	(300.662.156)
REE	8	467.557	236.800	(230.757)
TCM	9.726	164.448.732	200.355.600	-
ACB	2	99.774	31.200	(68.574)
Cộng	187.682	4.897.513.746	1.850.756.200	(3.082.664.414)

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu Công ty CP Bông Bạch Tuyết (*)	4.747.236.586	5.000.000.000
Thuế nhập khẩu hàng tạm nhập tái xuất	1.155.347.257	1.155.347.257
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	698.220.599	739.537.900
Lãi dự thu	508.472.222	-
Phải thu chi hệ công đoàn tiền đoàn phí	565.913.201	-
Giá trị tồn thất dây chuyền sản xuất bánh Pie ⁽¹⁾	40.860.388.275	40.860.388.275
- Giá trị hàng tồn kho tồn thất do hỏa hoạn	2.894.049.059	2.894.049.059
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hư hỏng trong danh mục được bảo hiểm	37.966.339.216	37.966.339.216
Chi phí khôi phục dây chuyền sản xuất bánh Pie ⁽²⁾	101.547.318.222	101.547.318.222
Phải thu khác	1.404.479.337	2.400.334.327
	151.487.375.699	151.702.925.981

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vay 5 tỷ đồng, khoản cho vay này đã được Công ty khởi kiện ra tòa án Quận Tân Bình do Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, theo bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 21/06/2012 của Tòa án Quận Tân Bình đã thông qua phán quyết Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết phải trả Công ty cả gốc và lãi với số tiền là 9.052.812.500 đồng. Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Bình đang tiến hành các thủ tục thi hành án theo đơn yêu cầu. Liên quan đến khoản phải thu này, tại ngày 31/12/2013 Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 4.747.236.586 đồng (số đầu năm là 5.000.000.000 đồng).

⁽¹⁾ Công ty đang trình bày tổng giá trị tồn thất dây chuyền sản xuất bánh Pie trong vụ hỏa hoạn năm 2011 (thông tin chi tiết xem tại thuyết minh số 34)

⁽²⁾ Công ty trình bày toàn bộ chi phí có liên quan đến việc khôi phục dây chuyền sản xuất bánh Pie trong vụ hỏa hoạn năm 2011, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, các khoản chi phí này sẽ được đơn vị bảo hiểm là Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI) bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản đã ký số C21/TSKT/15/15/10 ngày 16/06/2010. (thông tin chi tiết xem tại thuyết minh số 34).

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	27.729.061
Nguyên liệu, vật liệu	50.813.871.425	64.303.979.550
Công cụ, dụng cụ	6.741.667.269	929.408.607
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.124.042.189	703.859.160
Thành phẩm	19.990.608.360	33.457.373.388
Hàng hoá	11.581.267.535	17.045.991.823
Hàng gửi đi bán	-	5.877.673.993
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.655.871.596)	(2.253.355.401)
	87.595.585.182	120.092.660.181

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	24.732.746	707.894.068
	<u>24.732.746</u>	<u>707.894.068</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	387.012.236	404.464.874
Tài sản thiếu chờ xử lý	41.305.141	256.701.358
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	6.200.000	-
	<u>434.517.377</u>	<u>661.166.232</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN
BIBICA
HỒ CHÍ MINH

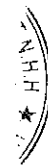
9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Công	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	83.008.723.760		458.636.633.142		12.821.391.524		10.415.080.754		183.695.159			565.065.524.339
Số tăng trong năm	-		17.951.217.129		-		1.506.347.000		-			19.457.564.129
- Mua trong năm	-		1.567.440.560		-		1.506.347.000		-			3.073.787.560
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-		16.383.776.569		-		-		-			16.383.776.569
- Phân loại lại	-		397.753.642		-		342.875.000		-			740.628.642
Số giảm trong năm	(383.905.047)		(5.265.990.163)		(279.406.387)		(1.869.937.412)		-			(7.799.239.009)
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	(41.030.047)		(3.262.007.868)		(137.311.149)		(1.472.183.770)		-			(4.912.532.834)
- Thanh lý, nhượng bán	-		(2.003.982.295)		(142.095.238)		-		-			(2.146.077.533)
- Phân loại lại	(342.875.000)		-		-		(397.753.642)		-			(740.628.642)
Số dư cuối năm	82.624.818.713		471.719.613.750		12.541.985.137		10.394.365.342		183.695.159			577.464.478.101
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	36.846.363.349		189.031.291.584		6.224.459.789		7.046.691.163		69.325.957			239.218.131.842
Số tăng trong năm	6.347.536.155		32.131.601.343		1.338.821.163		1.151.109.683		24.098.109			40.993.166.453
- Khấu hao trong năm	6.347.536.155		31.733.847.701		1.338.821.163		934.771.890		24.098.109			40.379.075.018
- Phân loại lại	-		397.753.642		-		216.337.793		-			614.091.435
Số giảm trong năm	(229.965.103)		(4.705.023.200)		(271.960.202)		(1.771.997.230)		-			(6.978.945.735)
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	(13.627.310)		(2.832.513.794)		(133.812.053)		(1.374.243.588)		-			(4.354.196.745)
- Thanh lý, nhượng bán	-		(1.872.509.406)		(138.148.149)		-		-			(2.010.657.555)
- Phân loại lại	(216.337.793)		-		-		(397.753.642)		-			(614.091.435)
Số dư cuối năm	42.963.934.401		216.457.869.727		7.291.320.750		6.425.803.616		93.424.066			273.232.352.560
Giá trị còn lại												
Số dư đầu năm	46.162.360.411		269.605.341.558		6.596.931.735		3.368.389.591		114.369.202			325.847.392.497
Số dư cuối năm	39.660.884.312		255.261.744.023		5.250.664.387		3.968.561.726		90.271.093			304.232.125.541

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

107.745.750.331 đồng



10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng		Cộng
	đất	Phần mềm máy tính	
	VND		VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	256.080.000	3.920.715.852	4.176.795.852
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(111.507.067)	(111.507.067)
- <i>Giảm theo TT45/2013/TT-BTC</i>	-	(111.507.067)	(111.507.067)
Số dư cuối năm	256.080.000	3.809.208.785	4.065.288.785
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.348.300.631	2.348.300.631
Số tăng trong năm	-	396.200.475	396.200.475
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-	396.200.475	396.200.475
Số giảm trong năm	-	(104.581.308)	(104.581.308)
- <i>Giảm theo TT45/2013/TT-BTC</i>	-	(104.581.308)	(104.581.308)
Số dư cuối năm	-	2.639.919.798	2.639.919.798
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	256.080.000	1.572.415.221	1.828.495.221
Số dư cuối năm	256.080.000	1.169.288.987	1.425.368.987

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Bibica Miền Bắc TNHH MTV ⁽¹⁾	30.543.722.429	30.165.113.429
Dự án Kẹo Lollipop	-	12.493.319.141
Dự án tăng năng suất kẹo dẻo	-	694.731.284
Dự án nâng cấp phần mềm ERP R12	3.786.912.714	2.523.855.538
	34.330.635.143	45.877.019.392

⁽¹⁾ Công ty đang tạm dừng thực hiện dự án chờ Hội đồng quản trị quyết nghị thông qua việc đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	18.080.013.923	15.684.569.378
Số tăng trong năm	4.084.463.148	7.493.866.068
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(5.252.500.766)	(4.718.933.523)
	-	(379.488.000)
Số dư cuối năm	16.911.976.305	18.080.013.923

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	8.078.425.221	8.317.785.965
Tiền thuê đất tại KCN Sài Đồng B - Hà Nội	1.648.795.516	1.775.123.932
Chi phí thuê đất tại Bibica Miền Đông	80.001.667	400.008.338
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	752.057.388
Chi phí xây dựng cải tạo xưởng chuyển bánh Trung thu	1.674.174.991	643.509.446
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.698.295.132	1.985.877.265
Chi phí thiệt hại vụ cháy không thuộc diện được bảo hiểm (*)	2.644.546.856	3.951.613.064
Chi phí trả trước dài hạn khác	87.736.922	254.038.525
	16.911.976.305	18.080.013.923

(*) Khoản giá trị hàng tồn kho bị tổn thất không thuộc đối tượng được bảo hiểm và khoản thuế GTGT của hàng hóa, tài sản bị tổn thất không được khấu trừ được Công ty thực hiện phân bổ dần vào chi phí trong thời gian 36 tháng kể từ tháng 9 năm 2012.

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	474.263.076	1.201.997.681
- Vay cá nhân	474.263.076	1.201.997.681
	474.263.076	1.201.997.681

(*) Khoản vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên kỳ hạn dưới 1 tháng và có thể rút gốc bất kỳ thời điểm nào, lãi suất 0,98%/tháng.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.864.630.537	7.174.279.517
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.166.141.116	4.517.674.163
Thuế Thu nhập cá nhân	109.651.762	-
	15.140.423.415	11.691.953.680

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích bổ sung quỹ tiền lương	12.645.083.106	10.142.421.270
Trích trước chi phí Marketing	543.749.579	12.613.871.245
Trích lương bộ phận bán hàng	19.035.295.777	6.407.837.938
Trích trước chi phí vận chuyển	7.597.277.544	5.660.957.350
Trích trước chi phí thuê mặt bằng trưng bày sản phẩm	1.755.649.074	-
Trích trước chi phí hoa hồng	4.201.259.877	3.702.705.733
Trích trước chi phí pano quảng cáo	4.302.603.105	-
Trích trước chi phí truyền thanh, truyền hình	2.282.163.639	-
Trích trước chi phí chiết khấu bán hàng	13.523.963.675	-
Trích trước chi phí khuyến mại	7.993.229.500	-
Trích trước tiền điện, nước	563.014.640	410.361.386
Trích trước thù lao HĐQT	395.753.677	77.968.750
Trích trước chi phí xử lý nước thải	-	61.473.424
Trích trước chi phí khác	613.848.669	829.340.909
	75.452.891.862	39.906.938.005

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	9.698.730	298.371.936
Kinh phí công đoàn	1.405.119.527	808.710.572
Bảo hiểm xã hội	34.821.488	918.116.401
Bảo hiểm y tế	-	80.305.429
Bảo hiểm thất nghiệp	-	35.162.802
Công ty PVI ứng trước tiền bồi thường do hỏa hoạn (*)	35.000.000.000	35.000.000.000
Khoản thu từ bán thanh lý, hàng tồn kho do hỏa hoạn (*)	3.337.886.595	3.337.886.595
Phải trả cổ tức cho cổ đông	28.963.980	-
Phải trả, phải nộp khác	841.304.428	152.018.548
	40.657.794.748	40.630.572.283

(*) Như đã trình bày tại thuyết minh số 5 và thuyết minh số 34, Dây chuyền bán Pie thuộc Công ty con - Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông bị hỏa hoạn, tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí TP. Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm rủi ro mọi tài sản C21/TSKT/15/15/10 ngày 15/10/2010. Trong năm 2011, PVI đã tạm ứng cho Công ty số tiền 35.000.000.000 đồng để khắc phục sự cố, liên quan đến vụ cháy này, giá trị hàng tồn kho và tài sản bị tổn thất đã bán và thu về số tiền 3.337.886.595 đồng, khoản thu này Công ty phải trả lại cho PVI sau khi hai bên thống nhất giá phí bồi hoàn.

17 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.470.616.000	1.750.616.000
	1.470.616.000	1.750.616.000

18 0 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối	
	VND			VND			VND		VND	
Số dư đầu năm trước	154.207.820.000		302.726.583.351	317.338.936	62.102.469.603	9.244.431.382	45.708.653.500	574.307.296.772		
Lãi trong năm trước	-		-	-	-	-	25.885.584.791	25.885.584.791		
Trích lập các quỹ	-		-	-	23.228.000.000	2.318.000.000	(25.546.000.000)	(18.505.000.000)		
Chi trả cổ tức	-		-	-	-	-	-	(2.318.000.000)		
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-		-	-	-	-	-	(317.338.936)		
Hoàn nhập CL.TG	-		-	(317.338.936)	-	-	-	-		
Khác	-		-	-	-	-	-	(2)		
Số dư cuối năm trước	154.207.820.000		302.726.583.351	85.330.469.603	11.562.431.382	25.225.238.289	579.052.542.625	44.880.175.418		
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-		-	-	4.792.087.911	1.294.279.240	(6.086.367.151)	(1.294.279.240)		
Trích lập các quỹ ⁽¹⁾	-		-	-	-	-	-	(18.504.938.400)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ⁽¹⁾	-		-	-	-	-	-	(9.252.469.200)		
Chia cổ tức năm trước ⁽²⁾	-		-	-	-	-	-	-		
Tạm ứng cổ tức năm nay ⁽²⁾	-		-	-	-	-	-	-		
Số dư cuối năm nay	154.207.820.000		302.726.583.351	90.122.557.514	12.856.710.622	34.967.359.716	594.881.031.203	44.880.175.418		

⁽¹⁾ Công ty phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 lần 2 ngày 28 tháng 10 năm 2013

⁽²⁾ Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2012 và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt theo Nghị quyết số 1021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Hội đồng quản trị

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm		Tỷ lệ	
	VND	(%)	VND	(%)		
Tập đoàn Lotte Hàn Quốc	67.180.000.000	43,6%	59.530.000.000	38,6%		
Vốn góp của đối tượng khác	87.027.820.000	56,4%	94.677.820.000	61,4%		
	154.207.820.000	100%	154.207.820.000	100%		

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	154.207.820.000	154.207.820.000
- Vốn góp cuối năm	154.207.820.000	154.207.820.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.504.938.400	18.505.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	9.252.469.200	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	15.420.782
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 đồng/cổ phiếu)		

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.059.258.875.844	938.970.158.431
	1.059.258.875.844	938.970.158.431

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	6.296.256.821	9.316.962.686
	6.296.256.821	9.316.962.686

21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	1.052.962.619.023	929.653.195.745
	1.052.962.619.023	929.653.195.745

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	720.861.576.540	663.622.976.108
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	402.516.195	606.380.425
	721.264.092.735	664.229.356.533

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.996.984.693	1.055.376.126
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.046.970	341.680.609
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.155.653.460	295.522.201
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.563.902
	3.235.685.123	1.697.142.838

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	167.228.979	388.205.421
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.451.073.569	3.030.777.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	229.290.170	785.613.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	7.908.429	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.023.992.300)	(4.646.068.134)
Chi phí tài chính khác	2.435.915	1.704.000
	(166.055.238)	(439.767.877)

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.219.215.501	1.902.248.346
Chi phí nhân công	74.828.447.736	57.735.768.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	271.386.479	390.119.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.641.999.785	131.234.931.388
Chi phí khác bằng tiền	752.907.300	26.378.557
	233.713.956.801	191.289.446.460

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	454.629.606	952.202.723
Chi phí nhân công	17.978.994.386	17.334.997.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.073.960.165	3.583.834.081
Thuế, phí, lệ phí	20.872.900	8.684.773
Chi phí dự phòng	84.075.778	2.304.416.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.588.357.345	20.809.152.705
Chi phí khác bằng tiền	2.680.578.134	2.325.803.079
	42.881.468.314	47.319.091.617

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Bán phế liệu	2.561.938.556	3.175.282.221
Cho thuê văn phòng, điện, nước..	1.245.873.183	1.341.326.565
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	857.793.740
Thanh lý tài sản cố định	163.627.274	743.181.820
Khác	393.485.636	1.551.281.143
	4.364.924.649	7.668.865.489

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí bán phế liệu	2.256.885.650	2.236.888.287
Chi phí thanh lý tài sản cố định	135.149.978	229.362.373
Nộp phạt vi phạm hành chính	55.000.000	164.870.008
Giá trị hàng hóa tồn thất	1.307.066.208	435.688.733
Khác	1.811.106.597	1.090.267.798
	5.565.208.433	4.157.077.199

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.304.557.750	32.464.000.140
- Công ty mẹ	45.495.809.774	22.699.563.391
- Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	11.808.747.976	9.764.436.749
Các khoản điều chỉnh tăng	2.600.647.415	1.020.054.189
- Công ty mẹ	1.192.308.549	1.020.054.189
- Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	159.278.654	-
- Ảnh hưởng điều chỉnh hợp nhất	1.249.060.212	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(83.046.970)	(335.287.209)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(83.046.970)	(335.287.209)
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	59.822.158.195	33.148.767.120
- Công ty mẹ	46.605.071.353	23.384.330.371
- Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	13.217.086.842	9.764.436.749
+ Thu nhập từ hoạt động hưởng ưu đãi - thuế suất 15%	14.557.463.087	9.764.436.749
+ Thu nhập từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	(1.340.376.245)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.651.267.838	5.846.082.593
- Công ty mẹ	11.651.267.838	5.846.082.593
- Công ty TNHH Bibica Miền Đông	1.091.809.732	732.332.756
- Thuế TNDN bổ sung theo Cục thuế Bình Dương	478.022.656	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.221.100.226	6.578.415.349
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.517.674.163	3.180.468.799
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	(449.746.341)	449.746.343
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(10.122.886.932)	(5.690.956.328)
- Tại BBC Miền Đông	(1.209.627.217)	(1.188.175.848)
- Tại Công ty mẹ	(8.913.259.715)	(4.502.780.480)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	7.166.141.116	4.517.674.163

5-001
HÀNG
CÔNG TY TNHH
M T
SC
T.P.H.C

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	796.717.894	-
	796.717.894	-
	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(796.717.894)	-
	(796.717.894)	-

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	44.880.175.418	25.885.584.791
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.880.175.418	25.885.584.791
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.420.782	15.420.782
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.910	1.679

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	612.239.501.431	588.911.370.321
Chi phí nhân công	164.449.446.738	130.687.948.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.020.095.705	37.059.101.476
Chi phí dự phòng	486.591.973	2.910.796.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.152.275.103	142.723.268.073
Chi phí khác bằng tiền	18.511.606.900	545.409.743
	997.859.517.850	902.837.894.610

CÔNG TY CỔ PHẦN
 BÍ BICA
 HỒ CHÍ MINH

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.707.165.726	-	-	151.707.165.726
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.067.563.532	-	-	191.067.563.532
Các khoản cho vay	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	1.814.849.332	-	-	1.814.849.332
	359.589.578.590	-	-	359.589.578.590
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.471.255.612	-	-	49.471.255.612
Phải thu khách hàng, phải thu khác	193.429.088.896	-	-	193.429.088.896
Đầu tư ngắn hạn	2.851.249.601	-	-	2.851.249.601
	245.751.594.109	-	-	245.751.594.109

111
CHI
CÔNG
ANGN
K
T.V.B.H.
H



Công ty đã gửi công văn số 00577/BBC ngày 05/06/2012 đến PVI đề nghị thanh toán số tiền bảo hiểm này tuy nhiên phía PVI chưa chấp thuận giá trị bồi thường này do chưa thống nhất phương pháp xác định giá trị bồi thường, giữa 2 bên đã gửi công văn qua lại để thương lượng nhưng chưa đi đến thống nhất, Công ty đã thực hiện các thủ tục và gửi đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí TP. Hồ Chí Minh lên Tòa kinh tế Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Đến nay Tòa án đang trong thời gian xem xét hồ sơ để xử lý. Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sẽ thực hiện hạch toán các nghiệp vụ phát sinh có liên quan khi có bản án chính thức từ Tòa án.

Về phía Công ty, sau khi vụ hòa hoãn xảy ra, Công ty đã sớm thực hiện khắc phục sự cố hòa hoãn, thực hiện đầu tư cải tạo, khôi phục nhà xưởng và dây chuyền sản xuất để phục vụ sản xuất kinh doanh, tổng chi phí công ty đã thực hiện khắc phục sự cố hòa hoãn này tính đến thời điểm 31/12/2013 là: 101.547.318.222 đồng (số phát sinh đến thời điểm 31/12/2012 là 101.547.318.222 đồng).

Giá trị bán thanh lý CCDC và hàng tồn kho do hòa hoãn Công ty thu về số tiền 3.337.886.595 đồng, số tiền này Công ty sẽ trả lại cho PVI sau khi PVI thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo hợp đồng, về phía PVI trong năm 2011 cũng đã tạm ứng cho Công ty số tiền 35.000.000.000 đồng để khắc phục sự cố hòa hoãn nêu trên.

Liên quan đến vụ cháy này, về phía Công ty chịu thiệt hại gồm số thuế VAT đầu vào của tài sản và hàng tồn kho tồn thất không được khấu trừ 2.302.975.685 đồng, giá trị hàng tồn kho thiệt hại không thuộc diện được bảo hiểm 2.084.326.111 đồng, giá trị thiệt hại này đang được Công ty ghi nhận vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 36 tháng kể từ tháng 09 năm 2012.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chỉ tập trung vào các hoạt động liên quan đến sản xuất bánh kẹo, sản phẩm dinh dưỡng..., do vậy Báo cáo bộ phận của Công ty được lập theo lĩnh vực địa lý mà không lập theo lĩnh vực kinh doanh

	Tổng Cộng các			Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Miền Bắc	Miền Nam	bộ phận		
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	9.528.781.917	1.043.433.837.106	1.052.962.619.023	-	1.052.962.619.023
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	351.371.904.456	961.215.662.163	1.312.587.566.619	(1.312.587.566.619)	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	7.926.337.483	326.789.360.188	334.715.697.671	(3.017.171.383)	331.698.526.288
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.315.620.697	6.595.559.183	7.911.179.880	-	7.911.179.880
Tài sản bộ phận	33.918.974.622	1.071.783.436.773	1.105.702.411.395	(297.408.378.332)	808.294.033.063
Tổng tài sản	33.918.974.622	1.071.783.436.773	1.105.702.411.395	(297.408.378.332)	808.294.033.063
Nợ phải trả	59.574.445.448	382.161.945.266	441.736.390.714	(228.323.388.854)	213.413.001.860
Tổng nợ phải trả	59.574.445.448	382.161.945.266	441.736.390.714	(228.323.388.854)	213.413.001.860

Doanh thu bán hàng của bộ phận Miền nam bao gồm doanh số bán hàng trong khu vực từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Cà Mau, doanh thu bán hàng của bộ phận miền Bắc bao gồm doanh số bán hàng từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra các tỉnh phía bắc.

06-C.T.
NH
TNHH
A TOÁN
JC
PHỔ CHÍ

